

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này các Chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường:

1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Chu Phạm Ngọc Hiền

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 01 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

Thực vụ biên soạn và công bố Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường quy định tại Thông tư số 29/2013/TT-BTNMT ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung báo cáo

Thực hiện theo Danh mục biểu mẫu báo cáo, biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo quy định tại các mục II, III và IV của Chế độ báo cáo này.

3. Đơn vị báo cáo, trách nhiệm của đơn vị báo cáo

3.1. Đơn vị báo cáo

Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê.

3.2. Trách nhiệm của đơn vị báo cáo

a) Lập báo cáo đầy đủ, chính xác những chỉ tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo;

b) Gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo theo đúng quy định về kỳ báo cáo, ngày báo cáo.

4. Đơn vị nhận báo cáo, trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo

4.1. Đơn vị nhận báo cáo

Vụ Kế hoạch - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo

Tổng hợp, biên soạn báo cáo thống kê theo các kỳ báo cáo và thông tin thống kê ngành tài nguyên và môi trường.

5. Kỳ báo cáo, ngày báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian theo quy định mà các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

Báo cáo thống kê quý: được tính bắt đầu từ ngày mùng một (01) đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ ba của kỳ báo cáo thống kê đó.

Báo cáo thống kê sáu (06) tháng: được tính bắt đầu từ ngày mùng một (01) đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ sáu của kỳ báo cáo thống kê đó.

Báo cáo thống kê năm: bao gồm báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức.

Báo cáo sơ bộ: được tính bắt đầu từ ngày mùng một (01) đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày báo cáo sơ bộ và ước thực hiện cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ mười hai của kỳ báo cáo thống kê đó.

Báo cáo chính thức: được tính bắt đầu từ ngày mùng một (01) đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ mười hai của kỳ báo cáo thống kê đó.

Kỳ báo cáo, ngày báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên trái của từng biểu mẫu thống kê.

Trong các năm thực hiện kiểm kê đất đai, ngày báo cáo đối với các biểu từ số 0101.1/BTNMT đến 0101.5/BTNMT và 0102/BTNMT là ngày 31/10.

6. Hình thức gửi báo cáo

Các báo cáo thống kê được gửi đồng thời bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu báo cáo gửi qua thư điện tử (địa chỉ email của Vụ Kế hoạch - Bộ Tài nguyên và Môi trường: vukehoach@monre.gov.vn). Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

II. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
	01. ĐẤT ĐAI					
1	0101.1/BTNMT	Hiện trạng sử dụng đất đai cả nước	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
2	0101.2/BTNMT	Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp cả nước	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
3	0101.3/BTNMT	Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp cả nước	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
4	0101.4/BTNMT	Hiện trạng sử dụng đất đai cả nước chia theo các vùng địa lý, tự nhiên - kinh tế	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
5	0101.5/BTNMT	Hiện trạng sử dụng đất đai vùng địa lý, tự nhiên - kinh tế	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
6	0102/BTNMT	Biến động diện tích đất đai cả nước	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
7	0103/BTNMT	Kết quả đo đạc bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo sơ bộ: Ngày 20/12 năm báo cáo; Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
8	0104.1/BTNMT	Kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chia theo loại đất	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo sơ bộ: Ngày 20/12 năm báo cáo; Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
9	0104.2/BTNMT	Kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chia theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo sơ bộ: Ngày 20/12 năm báo cáo; Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
10	0105.1/BTNMT	Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo sơ bộ: Ngày 20/12 năm báo cáo; Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
11	0105.2/BTNMT	Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia chia theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo sơ bộ: Ngày 20/12 năm báo cáo; Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau
12	0106.1/BTNMT	Tổng hợp giá đất theo bảng giá đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với đất trồng cây lúa nước, đất trồng cây hàng năm còn lại, đất trồng	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Kế hoạch	Năm	Báo cáo chính thức: Ngày 15/3 năm sau